FireAnt

CTCP Hoàng Hà (UPCOM: HHG)

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	1,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,400
SL cổ phiếu LH	34,896,354
KLGD BQ 20 phiên (CP)	378,335
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	56
P/E	-1.6
EPS	-999

	YTD	1T	3T	6T
HHG	-15.8%	0.0%	-20.0%	-27.3%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

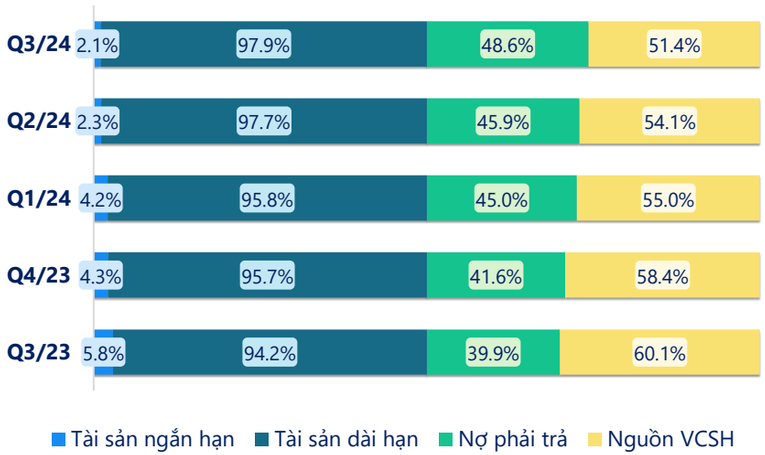

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

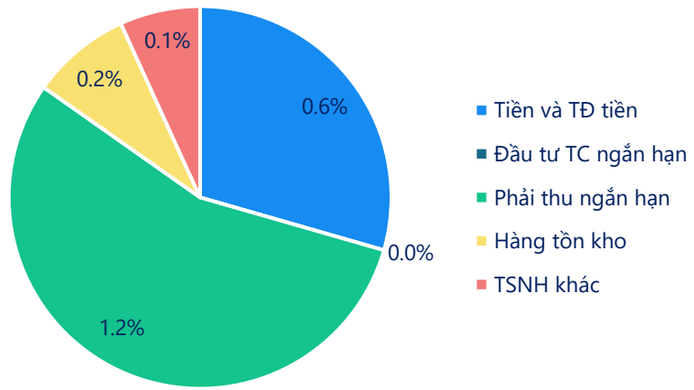

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

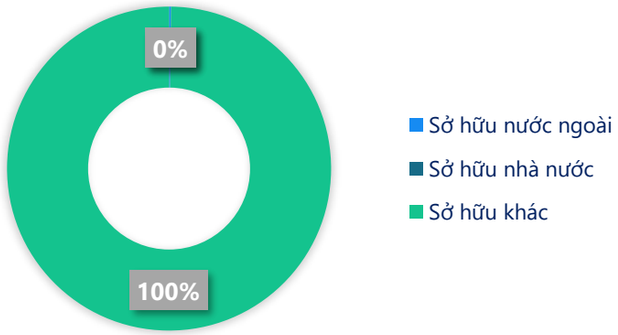

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

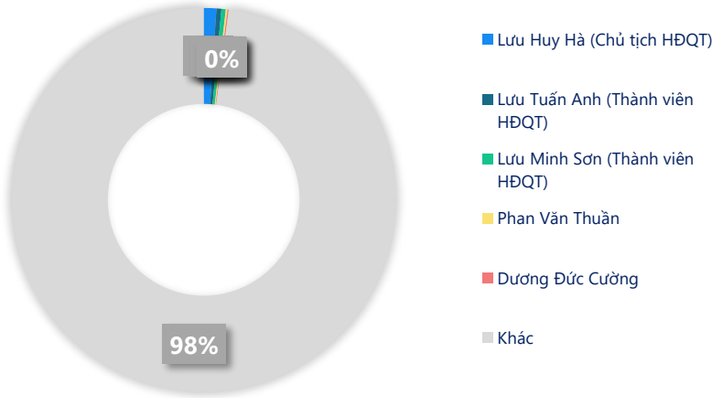

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

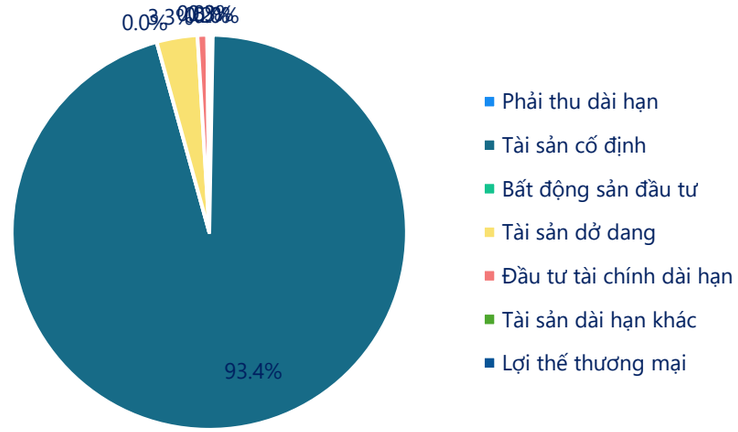

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Hoàng Hà (UPCOM: HHG)

Tiền và tương đương tiền

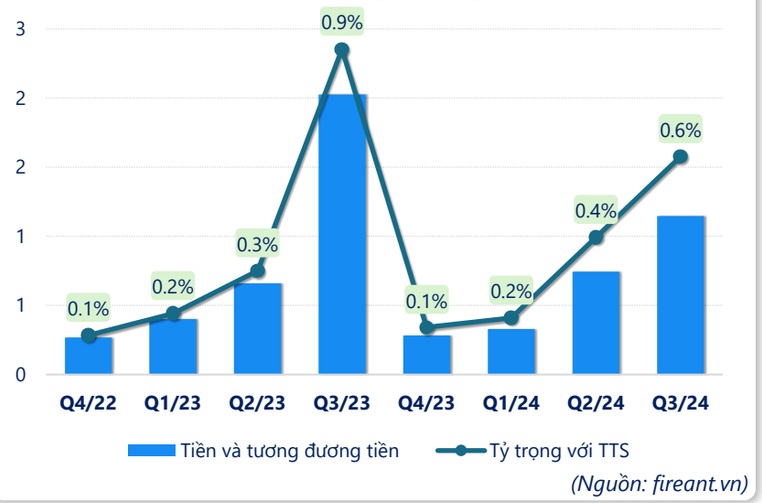

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

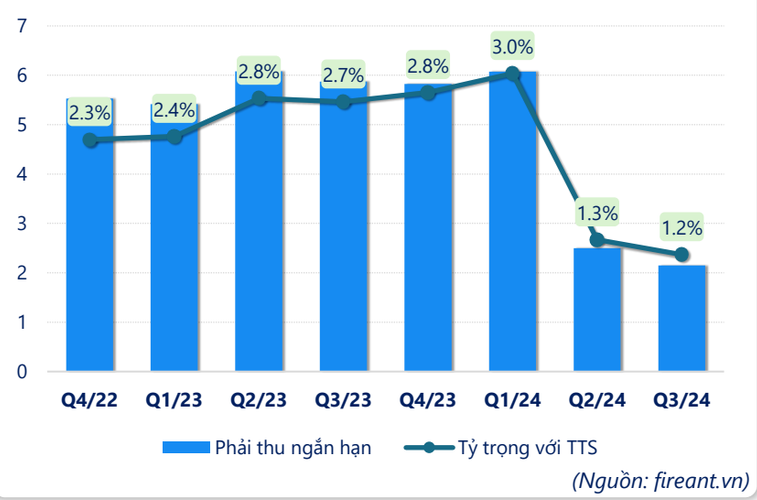

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

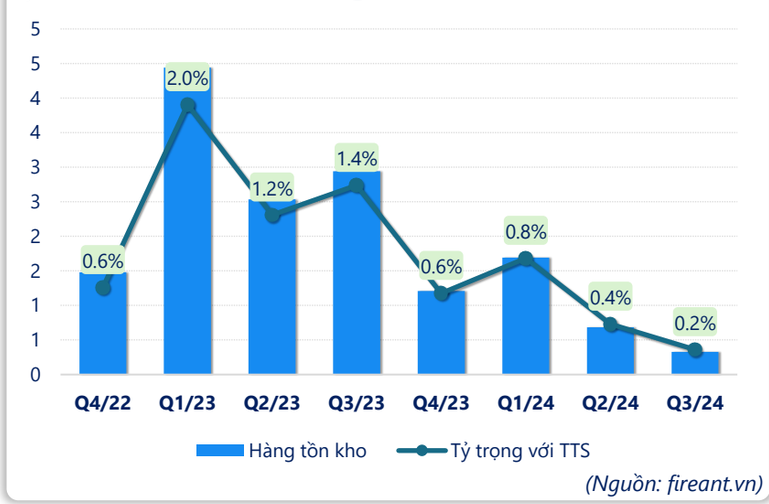

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

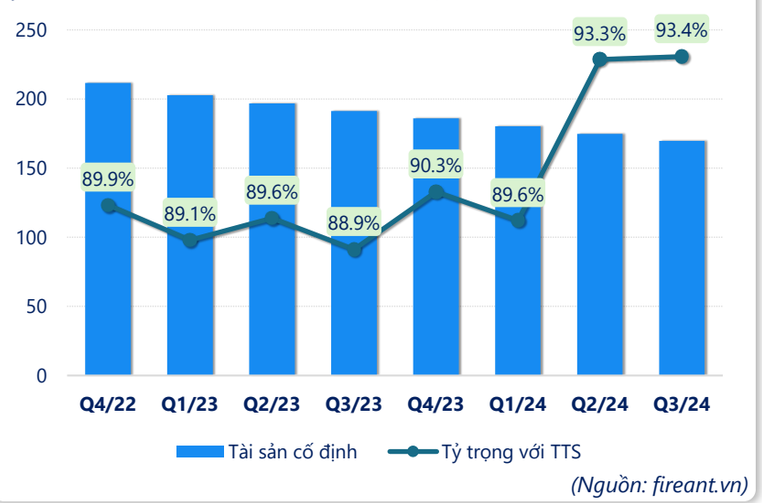

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

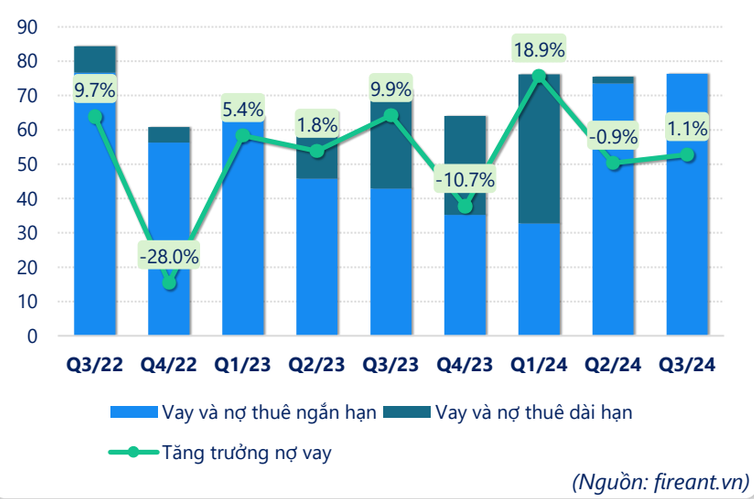

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

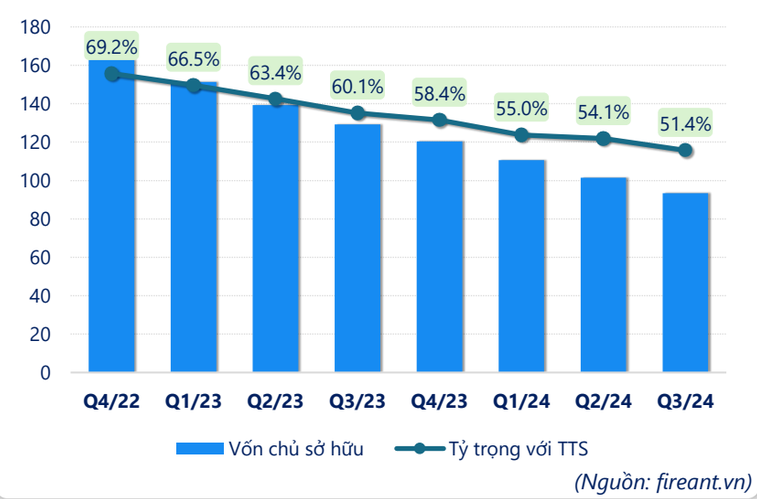

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Hoàng Hà (UPCOM: HHG)

Kết quả kinh doanh

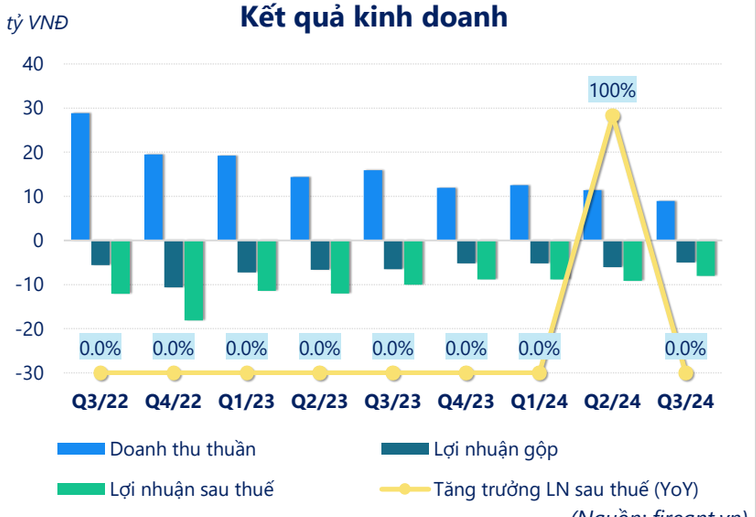

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

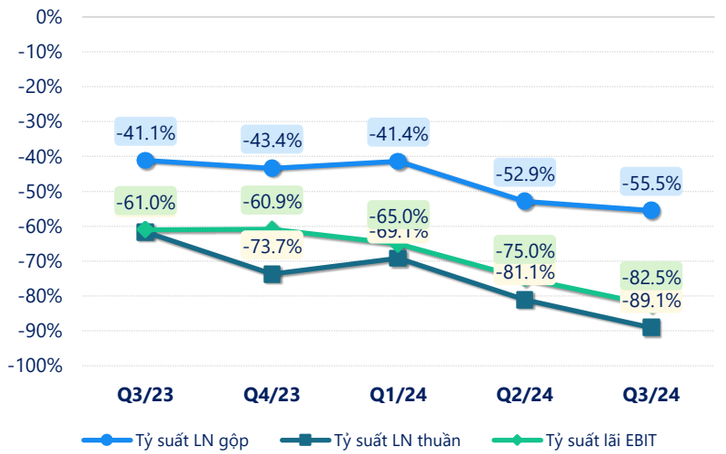

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

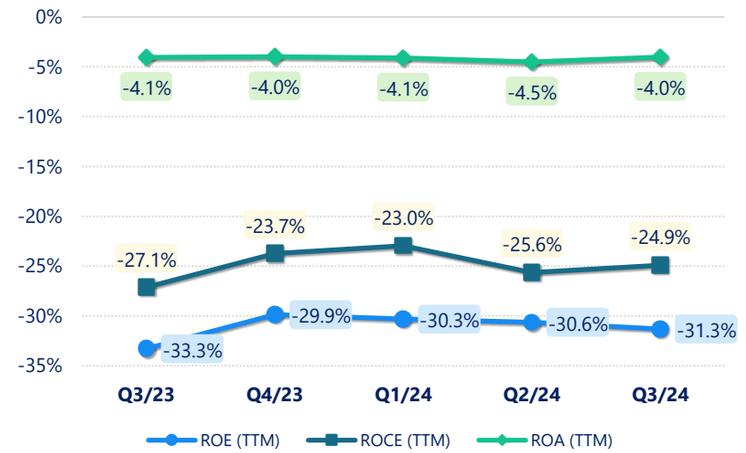

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

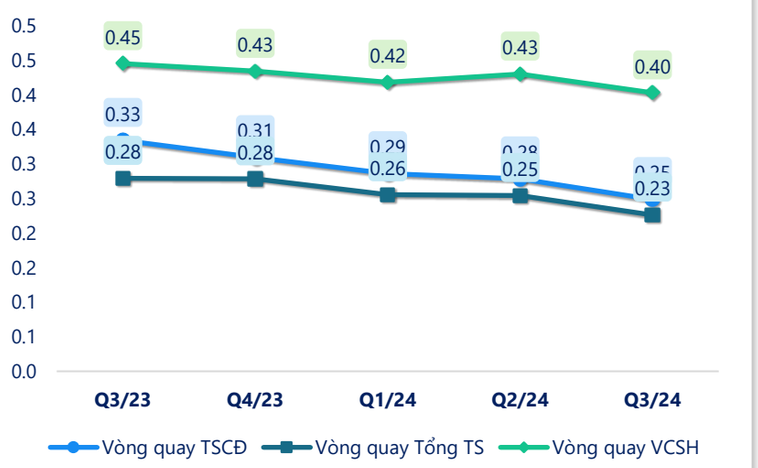

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

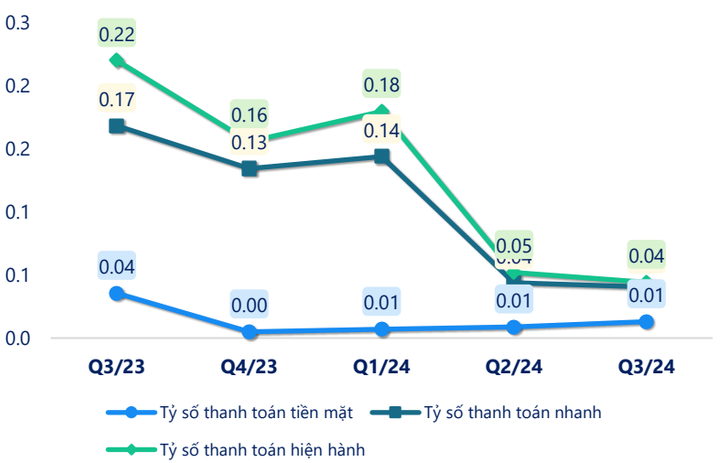

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

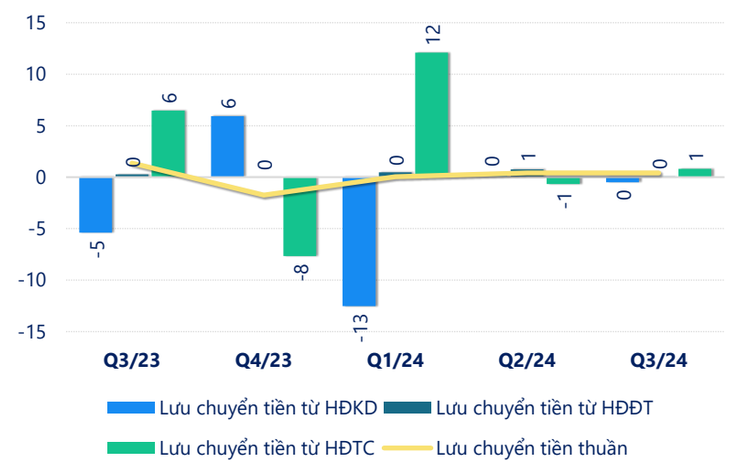

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Hoàng Hà (UPCOM: HHG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**182**	**206**	**-11.8%**
Tài sản ngắn hạn	3.89	7.12	-45.4%
Tiền và tương đương tiền	1.15	0.28	307%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2.15	5.82	-63.1%
Hàng tồn kho	0.33	0.72	-54.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.26	0.29	-9.4%
Tài sản dài hạn	**178**	**199**	**-10.6%**
Phải thu dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Tài sản cố định	170	186	-8.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.93	10.7	-44.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.40	1.28	9.6%
Tài sản dài hạn khác	**0.30**	**0.40**	**-23.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	88.2	86.5	2.0%
Nợ ngắn hạn	**87.9**	**57.7**	**52.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	76.3	35.3	116%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.34	7.97	-8.0%
Nợ dài hạn	0.31	28.8	-98.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	28.8	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**93.4**	**119**	**-21.8%**
Vốn chủ sở hữu	**93.4**	**119**	**-21.8%**
Vốn điều lệ	349	349	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	15.9	11.9	12.5	11.4	8.97
Giá vốn hàng bán	22.4	17.1	17.7	17.4	14.0
Lợi nhuận gộp	-6.53	-5.18	-5.19	-6.03	-4.98
Doanh thu HĐTC	0.00	0.04	0.02	0.02	0.01
Chi phí TC	0.33	1.55	0.67	0.38	0.60
Chi phí lãi vay	0.33	1.55	0.67	0.38	0.60
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	2.92	2.11	2.83	2.86	2.43
LN thuần từ HĐKD	-9.79	-8.80	-8.67	-9.25	-7.99
Lợi nhuận khác	-0.23	-0.02	-0.16	0.32	-0.01
LN trước thuế	-10.0	-8.82	-8.83	-8.93	-8.01
Lợi nhuận sau thuế	-10.0	-8.82	-8.83	-9.19	-8.01
LNST của CĐ cty mẹ	-10.0	-8.82	-8.83	-9.19	-8.01

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.39	5.91	-12.5	0.31	-0.50
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.27	0.00	0.46	0.76	0.08
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	6.48	-7.66	12.1	-0.66	0.82
Tiền đầu kỳ	0.66	2.02	0.28	0.33	0.74
Lưu chuyển tiền thuần	**1.37**	**-1.74**	**0.05**	**0.41**	**0.40**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	2.02	0.28	0.33	0.74	1.15

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic